TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 508/2022/HC-PT
Ngày 15-7-2022
V/v Khiếu kiện yêu cầu hủy Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thúy Hồng

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Tường Vi, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:* Ông Nguyễn Văn Đức – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 213/2022/TLPT-HC ngày 27/4/2022 về "Khiếu kiện yêu cầu hủy Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2022/HC-ST ngày 17/02/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1061/2022/QĐ-PT ngày 27/6/2022, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Bạch Thị N, sinh năm 1960; (có mặt)

Địa chỉ: Số 327/67F ấp 6, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Hữu X là Luật sư của Văn phòng Luật sư Nguyễn Hữu X, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Long An (có mặt).

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Văn S – Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Q – Phó Chủ tịch (Theo Văn bản ủy quyền ngày 08 tháng 5 năm 2022, có văn bản xin vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Bạch Văn C, sinh năm 1955; (có mặt)

3.2. Bà Phạm Thị M, sinh năm 1957; (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 5, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phùng Thị H, là Luật sư của Văn phòng luật sư C thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

4. Người kháng cáo: Ông Bạch Văn C và bà Phạm Thị M là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 09/3/2021 của bà Bạch Thị N trình bày:

Gia đình bà N sử dụng thửa đất tại ấp 5, xã N, huyện T, tỉnh Long An được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/12/2006 là thửa số 37, tờ bản đồ số 10-4, diện tích 534,6m^2, loại đất lúa. Nguồn gốc thửa đất này do mẹ là cụ Phan Thị T cho bà sử dụng từ năm 1982 đến nay.

Vào năm 1994, khi có chủ trương kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà và bà M (vợ ông Bạch Văn C) cùng đi kê khai đăng ký tại địa phương. Bà M chủ động muốn khai luôn thửa đất này nhưng bà không đồng ý nói đất của bà không được kê khai. Sau khi kê khai, bà ra về, bà M ở lại kê khai sau, không biết có kê khai thửa đất bà đang sử dụng hay không.

Vào ngày 10/01/2006, Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T đến xác định ranh giới, mốc giới thửa đất theo hiện trạng để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi đó có mặt của vợ chồng ông C, bà M nhưng ông C, bà M cũng không có ý kiến.

Năm 2014, bà xin chuyển mục đích sử dụng từ đất lúa sang đất thổ cư được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện T, tỉnh Long An đồng ý, bà đã tiến hành lên thổ cư. Trên thửa đất này, bà N đã làm hàng rào xung quanh, đào ao nuôi cá, trồng cây trên đất từ đó đến nay.

Tháng 8/2020, sau khi cụ T mất, vợ chồng ông C, bà M cho rằng đất của vợ chồng ông bà và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2000.

Sau khi phát hiện, bà N xin trích lục bản đồ địa chính và làm đơn khởi kiện. UBND xã N, huyện T hòa giải nhưng ông C, bà M không đồng ý nên bà nhờ UBND huyện T giải quyết. Tại Văn bản số 199/UBND-NC ngày 14/01/2021 của Ủy ban nhân dân huyện T cho biết theo đề nghị của Ủy ban nhân dân xã N, Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 2571xx, trong đó có thửa đất số 37, tờ bản đồ số 10-4, diện tích 534,6m^2 đất lúa cho ông Bạch Văn C; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 1882xx thửa đất số 37, tờ bản đồ số 10-4, diện tích 534,6m^2 đất lúa cho bà Bạch Thị N đứng tên là không đúng đối tượng sử dụng đất. Lẽ ra phải cấp cho

cụ Phan Thị T và hiện nay đất đang tranh chấp. Nhưng đến nay Ủy ban nhân dân huyện T không thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp.

Bà Bạch Thị N khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 2571xx ngày 10/5/2000 của Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho ông Bạch Văn C đối với thửa đất số 37, tờ bản đồ số 10-4, diện tích 354,6m^2 loại đất lúa tại ấp 5, xã N, huyện T, tỉnh Long An; yêu cầu công nhận phần đất này thuộc quyền sở hữu của bà.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện T có ý kiến tại Công văn 199/UB ND-NC ngày 14/01/2021 có nội dung như sau:

Ngày 15/4/1999, ông Bạch Văn C làm đơn đăng ký nguồn gốc đất ruộng của gia đình. Ngày 10/5/2000, ông Bạch Văn C được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 2571xx trong đó có thửa đất số 37, tờ bản đồ số 10-4, diện tích 534,6m^2 loại đất lúa tại ấp 5, xã N, huyện T, tỉnh Long An. Theo anh Bạch Văn T (con ông C được ông Bạch Văn C ủy quyền), ông C được cụ T cho vào năm 1978 nhưng không có giấy tờ chứng minh. Thực tế, ông C có trồng một số cây chuối trên đất vào khoảng tháng 11/2020.

Ngày 09/12/2003, bà Bạch Thị N làm đơn đăng ký ghi nguồn gốc đất của mẹ là Phan Thị T cho. Ngày 20/12/2006, bà Bạch Thị N được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 1882xx đối với thửa đất số 37, tờ bản đồ số 10-4, diện tích 534,6m^2 loại đất lúa. Theo bà N, bà được cụ T cho vào năm 1982 nhưng không có giấy tờ chứng minh. Thực tế, bà N đã san nền và làm hàng rào xung quanh đất.

Việc UBND xã N, huyện T đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 2571xx ngày 10/5/2000 đối với thửa thửa đất số 37, tờ bản đồ số 10-4 cho ông Bạch Văn C; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 1882xx ngày 20/12/2006 đối với thửa thửa đất số 37, tờ bản đồ số 10-4 cho bà Bạch Thị N là không đúng đối tượng sử dụng đất, lẽ ra phải cấp cho cụ Phan Thị T. Hiện nay đất đang có tranh chấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bạch Văn C và bà Phạm Thị M do bà Trần Thị Hồng X đại diện trình bày tại Bản tự khai ngày 05/5/2021 và trong "Đơn khởi kiện phản tố" (Yêu cầu độc lập) ngày 16/11/2021 như sau:

Cụ Bạch Văn H (1925-2009) và cụ Phạm Thị T (1926-2020) là cha mẹ của ông C và bà N. Nguyên vào năm 1978, sau khi kết hôn với bà Phạm Thị M, ông được cụ H và cụ T cho ra riêng và cho hai thửa đất để cất nhà và canh tác sinh sống. Đến thời gian khoảng năm 1998-1999, Nhà nước có chủ trương kê khai, đăng ký nên gia đình đăng ký và ngày 10/5/2000 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 2571xx vào sổ số 149.QSDĐ.498 ngày 10/5/2000 gồm 02 thửa: Thửa đất số 37, tờ bản đồ số 10-4, diện tích 534,6m^2 loại đất lúa và thửa 75, diện tích 1379,5m^2 loại đất thổ cư, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp 5, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

Trên thửa đất 75, diện tích 1379,5m^2 loại đất thổ, ông C và bà M cất nhà ở từ năm 1978. Trên thửa đất số 37, diện tích 534,6m^2 ông M gieo mạ, nuôi cá và trồng cây ăn trái từ năm 1978 đến nay. Bà Bạch Thị N cho rằng thửa đất số 37 này được cụ Phan Thị T cho sử dụng là không đúng. Việc bà N khai bà đổ đất và làm hàng rào thì khi đó cụ T còn sống, do cụ T đưa tiền nhờ bà N làm cho cụ T. Cây trồng trên đất là do ông C và bà M trồng và thu hoạch. Từ khi vợ chồng ông C sử dụng đất và đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có ai tranh chấp hay phản đối.

Nay bà N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 37 và khiếu kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông C, ông C không đồng ý. Vì UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C là đúng đối tượng, cấp khi cha mẹ còn sống cho ông C sử dụng từ năm 1978. Việc cấp giấy chứng nhận cho bà N là cấp sau, khi đó ông C được cấp rồi nên không đúng đối tượng.

Từ đó, ông C yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 1882xx cấp ngày 20/12/2006 cho bà Bạch Thị N thửa đất số 37, tờ bản đồ số 10-4, diện tích 354,6m^2 đất lúa tại ấp 5, xã N, huyện T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2022/HC-ST ngày 17/02/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An, đã căn cứ: Điều 3, Điều 30, Điều 32 Luật tố tụng Hành chính 2015; Khoản 2 Điều 193, Điều 358 Luật tố tụng Hành chính năm 2015; Áp dụng khoản 1, 2 Điều 50, Điều 73 Luật Đất đai năm 2003; Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; Áp dụng Điều 348, Điều 358 Luật tố tụng Hành chính năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bạch Thị N đối với Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An về việc "yêu cầu hủy quyết định hành chính".

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 2571xx của Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 10/5/2000 cho ông Bạch Văn C đối với thửa đất số 37, tờ bản đồ số 10-4, diện tích 354,6m^2 loại đất lúa tại ấp 5, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Bạch Văn C đối với Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An về việc "yêu cầu hủy quyết định hành chính".

Giữ nguyên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 1882xx của Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 20/12/2006 cho bà Bạch Thị N đối với thửa đất số 37, tờ bản đồ số 10-4, diện tích 354,6m^2 đất lúa tại ấp 5, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan đến chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03 tháng 3 năm 2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bạch Văn C và bà Phạm Thị M có làm đơn kháng cáo, nêu lý do: Bản án sơ thẩm đã xét xử hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông, bà đứng tên là không có căn cứ; đề nghị xét xử phúc thẩm lại theo hướng sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Bạch Văn C đối với Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An về việc "yêu cầu hủy quyết định hành chính" và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bạch Thị N.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Người kháng cáo cung cấp các giấy xác nhận của những người làm chứng về việc xác nhận ông C, bà M có trồng các cây lâu năm là dừa, đã sử dụng ao trên đất tranh chấp để nuôi cá... Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp của người khởi kiện.

Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người kháng cáo trình bày: Ông C đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước khi bà N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là giấy CNQSD đất), vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm hủy giấy CNQSD đất đã được cấp trước và giữ nguyên giấy CNQSD đất cấp sau là không đúng. Mặt khác tại phiên tòa đã làm rõ vấn đề các bên tranh chấp "ai là người sử dụng đất" và đất đã có giấy CNQSD đất nên UBND huyện T, tỉnh Long An có văn bản đề nghị các bên khởi kiện ra Tòa án giải quyết về vụ án dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử nếu không sửa bản án sơ thẩm theo yêu cầu kháng cáo thì hủy bản án để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm cho rằng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Những người tham gia phiên tòa cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo luật định. Về nội dung: Xét thấy các bên tranh chấp về quyền sử dụng đất nhưng Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục tố tụng hành chính là không đúng, không giải quyết triệt để vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 241 của Luật Tố tụng Hành chính hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03 tháng 3 năm 2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bạch Văn C và bà Phạm Thị M làm Đơn kháng cáo đúng theo trình tự, thủ tục quy định tại các Điều 55, Điều 204, Điều 205, Điều 206,

Điều 209 của Luật Tố tụng Hành chính nên được chấp nhận xem xét, xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo đơn khởi kiện của bà Bạch Thị N ngày 09 tháng 3 năm 2021 thì: Gia đình bà N sử dụng thửa đất tại ấp 5, xã N, huyện T, tỉnh Long An được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/12/2006 là thửa số 37, tờ bản đồ số 10-4, diện tích 534,6m^2, loại đất lúa. Nguồn gốc thửa đất này do mẹ là cụ Phan Thị T cho bà sử dụng từ năm 1982. Trên thửa đất này, bà N đã làm hàng rào xung quanh, đào ao nuôi cá, trồng cây trên đất từ đó đến nay.

Vào năm 1994, khi có chủ trương kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà và bà M (vợ ông Bạch Văn C) cùng đi kê khai đăng ký tại địa phương.

Sau khi phát hiện ông C, bà M được cấp giấy CNQSD đất, bà N xin trích lục bản đồ địa chính và làm đơn khởi kiện. UBND xã N, huyện T hòa giải nhưng ông C, bà M không đồng ý nên bà nhờ UBND huyện T giải quyết. Tại Văn bản số 199/UBND-NC ngày 14/01/2021 của Ủy ban nhân dân huyện T cho biết theo đề nghị của Ủy ban nhân dân xã N, Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 2571xx, trong đó có thửa đất số 37, tờ bản đồ số 10-4, diện tích 534,6m^2 đất lúa cho ông Bạch Văn C; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 1882xx thửa đất số 37, tờ bản đồ số 10-4, diện tích 534,6m^2 đất lúa cho bà Bạch Thị N đứng tên là không đúng đối tượng sử dụng đất. Lẽ ra phải cấp cho cụ Phan Thị T và hiện nay đất đang tranh chấp.

Theo đơn khởi kiện, bà Bạch Thị N khởi kiện có hai nội dung:

Thứ nhất, yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 2571xx của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An cấp ngày 10/5/2000 cho ông Bạch Văn C đối với thửa đất số 37, tờ bản đồ số 10-4, diện tích 534,6m^2 loại đất lúa tại ấp 5, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

Thứ hai, yêu cầu Tòa án công nhận phần đất này thuộc quyền sở hữu của bà.

Theo "Đơn khởi kiện phản tố" (Yêu cầu độc lập) ngày 16/11/2021 của ông Bạch Văn C có nội dung: Yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 1882xx của Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 20/12/2006 cho bà Bạch Thị N đối với thửa đất số 37, tờ bản đồ số 10-4, diện tích 534,6m^2 đất lúa tại ấp 5, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Hội đồng xét xử cũng đã làm rõ phần đất tranh chấp các bên cùng được cấp giấy CNQSD đất hiện nay đã được san lấp, có xây hàng rào, trồng cây lâu năm.

[2.1] Xét yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và giải quyết đúng thẩm quyền được pháp luật quy định tại khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng Hành chính.

[2.2] Đối với yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất của người khởi kiện: Xét thấy ngày 22 tháng 10 năm 2010, Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Long An có hòa giải, giải quyết việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa gia đình bà N và vợ chồng ông Bạch Văn C (Bút lục số 46). Sau khi hòa giải không thành, Ủy ban nhân dân xã N kết luận việc hòa giải không thành, đề nghị bên nào có yêu cầu thì làm đơn gởi đến Tòa án để được giải quyết theo quy định.

[2.3] Tại Công văn số 199/UBND-NC ngày 14 tháng 01 năm 2021 của UBND huyện T, tỉnh Long An về việc trả lời đơn của công dân gửi bà Bạch Thị N có nêu " *Việc UBND xã N đề nghị UBND huyện T cấp GCNQSDĐ số R 2571xx, trong đó có thửa đất số 37, tờ bản đồ số 10-4, diện tích 534,6m^2 đất lúa cho ông Bạch Văn C; GCNQSDĐ số AH 1882xx thửa đất số 37, tờ bản đồ số 10-4, diện tích 534,6m^2 đất lúa cho bà Bạch Thị N đứng tên là không đúng đối tượng sử dụng đất, lẽ ra phải cấp cho bà Phan Thị T và hiện nay đất đang tranh chấ*p". "*Căn cứ Khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013 tranh chấp đất đai mà đương sự có Giấy chứng nhận hoặc có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật này...thì do Tòa án nhân dân giải quyết. Vậy bà có thể khởi kiện tại Tòa án nhân dân để giải quyết theo quy định pháp luật".*

[2.4] Theo Biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 17 tháng 02 năm 2022 (Bút lúc 103) có ghi nhận: "*9. Chủ tọa phiên tòa hỏi đương sự về việc thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu. Bà N, bà X trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu"*. Tuy nhiên, Bản án sơ thẩm ghi nhận trong phần "*Nội dung vụ án*" có nêu "*Theo đơn khởi kiện ghi ngày 09/3/2021 của bà Bạch Thị N.... Bà Bạch Thị N khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 2571xx ngày 10/5/2000 của Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho ông Bạch Văn C, đối với thửa đất số 37, tờ bản đồ số 10-4, diện tích 354,6m^2 loại đất lúa. Ngoài ra, không yêu cầu gì khác"* là không chính xác, thiếu yêu cầu công nhận phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của bà Bạch Thị N và diện tích thửa đất số 37 mà các đương sự tranh chấp là 534,6m^2 , không phải là 354,6m^2.

Đây là tranh chấp "ai là người sử dụng đất", quan hệ pháp luật này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bằng một vụ án dân sự theo quy định tại khoản 9 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2.5] Theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của Luật Tố tụng Hành chính: *Trong quá trình giải quyết vụ án hành chính theo thủ tục sơ thẩm, Tòa án xác định vụ án đó không phải là vụ án hành chính mà là vụ án dân sự và việc giải quyết vụ án này thuộc thẩm quyền của mình thì Tòa án giải quyết vụ án đó theo thủ tục chung do pháp luật tố tụng dân sự quy định, đồng thời thông báo cho đương sự và Viện kiểm sát cùng cấp".*

Tại Giải đáp số 02/GĐ-TANDTC ngày 19 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân tối cao về Giải đáp một số vấn đề về tố tụng Hành chính, ý kiến giải đáp số 3 có hướng dẫn: "*Trong trường hợp xét thấy việc giải quyết tranh chấp đất đai và giải quyết yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất liên quan đến nhau và có thể giải quyết trong cùng một vụ án thì Tòa án nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào khoản 1 Điều 34 của Luật Tố tụng Hành chính và Điều 34 của Bộ luật Tố tụng Dân sự để giải quyết đồng thời hai yêu cầu của đương sự trong cùng một vụ án theo thủ tục chung do pháp luật tố tụng dân sự quy định"*

Theo quy định tại khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013: *"Tranh chấp đất đai đã được hòa giải tại Ủy ban nhân dân cấp xã mà không thành thì được giải quyết như sau:*

1. Tranh chấp đất đai mà đương sự có Giấy chứng nhận hoặc có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật này và tranh chấp về tài sản gắn liền với đất thì do Tòa án nhân dân giải quyết".

[2.6] Như vậy, theo nhận định trên. Lẽ ra, khi Tòa án cấp sơ thẩm nhận đơn khởi kiện cần phải xác định đúng yêu cầu khởi kiện của đương sự; hướng dẫn cho đương sự nộp đơn khởi kiện vụ án dân sự, hoặc nếu đã thụ lý vụ án hành chính thì phải chuyển thành vụ án dân sự để giải quyết theo thủ tục chung do pháp luật tố tụng dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của Luật Tố tụng Hành chính năm 2015. Đồng thời nếu đương sự có yêu cầu Tòa án hủy quyết định cá biệt có liên quan trong quá trình giải quyết vụ án dân sự thì xem xét theo quy định tại Điều 34 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, có như vậy mới đảm bảo giải quyết triệt để và toàn diện vụ án. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã không xem xét đối với yêu cầu tranh chấp quyền sử dụng đất và không hướng dẫn đương sự khởi kiện vụ án dân sự dẫn đến xác định sai tư cách tham gia tố tụng của đương sự, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự.

[3] Từ những phân tích trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục tố tụng hành chính là chưa chính xác, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Xét kháng cáo của ông Bạch Văn C và bà Phạm Thị M là có căn cứ nên được chấp nhận.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Căn cứ khoản 3 Điều 241 của Luật Tố tụng Hành chính năm 2015 cần hủy toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Long An để thụ lý, giải quyết sơ thẩm lại vụ án theo thủ tục tố tụng dân sự.

[4] Về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng: Do hủy bản án sơ thẩm nên án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng sẽ được xử lý khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là ông Bạch Văn C và bà Phạm Thị M không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 241 của Luật Tố tụng Hành chính năm 2015.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Bạch Văn C và bà Phạm Thị M.

1. Hủy toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2022/HC-ST ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An; Giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý, giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng sẽ được xử lý khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Bạch Văn C và bà Phạm Thị M không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP; HSVA; NTV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hồ Tâm Tú